

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 44

PHẦN 11

Đời Chân Tông: (con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Nguyên Đức Hoàng hậu, họ Lý, ngày hai tháng mười hai là Thừa Thiên Tiết, Vĩnh Đinh Lăng).

Năm Hàm Bình thứ nhất, vua viết bài tựa Tam tạng Thánh Giáo, ban cho Sư Pháp Hiền hiệu Minh Giáo Đại sư, khiến đặt sau tựa Thánh Giáo của Tiên Đế. Sa-môn Khả Thăng chú giải lời tựa dâng lên vua.

Vua ra chiếu cho Tri Chế Cáo Chu Ngang kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Quan. Vua viết Sùng Thích Luận tóm tắt rằng: “Kính thờ Đấng Thập Lực (Phật có mười Lực), khắp giúp Ngũ Thường, trên vua theo Pháp mà thương dân, dưới dân tuân hành mà hưởng thiện. Đem thành tín che chở lê thứ mà lên bậc Nhân Thọ”. Lại nói: Sách giới Luật của Phật cùng với các thuyết Khổng Chu Tuân Mạnh, dù lời khác mà Đạo đồng, đại để là cùng khuyên người làm thiện mà cấm người làm ác, không sát sinh tức là Nhân, không trộm cắp tức là Liêm, không mê lầm tức là Tín, không dối quấy tức là Chánh, không say sưa tức là Trang vậy.

Sa-môn Nhĩ-vĩ-ni v.v... ở Trung Thiên Trúc đến Triều hiến dâng vua xá-lợi Phật, kinh Phạm, lá Bồ-đề và mấy hạt Bồ-đề, vua ban cho Tử y. Sa-môn Phật Hộ ở Tây Thiên Trúc đến Triều dâng hiến kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Vua ra lệnh cho Sử Quán Biên Tu Tán Ninh làm Hữu Nhai Tăng Lục.

Năm Hàm Bình thứ hai, Lễ Bộ Thị Lang là Trần Thứ Ngôn cho rằng Viện Dịch Kinh đã lâu làm hao phí tiền của cả ức, xin vua cho dẹp bỏ, vua cho là phép xưa của tiên triều coi trọng nên không chấp thuận.

Vua ra lệnh cho Sử Quán Biên Tu Tán Ninh làm Tả Nhai Tăng Lục.

Năm thứ ba, tháng tám, Thái Quan Lộc Khanh Thiên Tức Tai thị tịch, vua thụy phong là Tuệ Biện Pháp sư, lại ra lệnh cho Hữu Ty sắm đủ nghi lễ tống táng.

Từ Chiêu Thông Thiên sư (thấy ở Thủ Sơn) ở Thạch Môn tại Tương Châu bị Quận Thú gây sự đánh đòn. Khi Sư trở về Thủ Tọa đến thăm hỏi: “Quận Thú vô cớ làm nhục Hòa thượng?...” Sư chỉ tay xuống đất bảo: “Dạy cho ông ta từ đất bằng mà chất lên đồng xương khô”. Liền thấy theo tay chỉ của Sư nổi lên một đồng đất. Cả nhà Quận Thú đều bị bệnh mà chết (Đại Tuệ Võ Khố).

Năm Hàm Bình thứ tư, tháng năm, ngài Thái Hồng Lô Khanh Pháp Hiền thị tịch. Vua thụy phong là Huyền Giác Pháp sư, vua ra lệnh tống táng ngài theo lễ của ngài Tuệ Biện.

Ngài Sử Quán Tu Soạn Tả Hữu Nhai Tăng Lục Tán Ninh viên tịch, Học Sĩ Vương Võ Xứng làm lời tựa, nói rằng: “Sư tuổi tám mươi hai tai mắt vẫn sáng tỏ, ở Kinh Sư trải mười bốn triều, ở Ngô Việt suốt bốn đời, trọn đời hưởng dụng phước hồng phạm, người đất Phù đồ đều quý kính, nên có thể bảo rằng cả tuổi thọ và ngôi vị của Sư đều xứng đáng”. Sư từng làm Thông Luận có chỗ bài bác Đồng Trọng Thư vấn nạn Vương Sung bài xích Nhan Sư Cổ, nêu chứng cứ Thái Ấp là người không hiểu Sử. Võ Xứng xem luận xong rất thán phục, bèn viết thư cho Sư rằng: Nhờ có Thông Luận mà mặt nhật sáng gấp ba lần khiến cho Đạo của Thánh nhân không làm hại người sáng suốt ở nước mọi rợ. Khiến các người học Nho không đến nổi mê lầm. Lại từ Chu Tần trở về sau các tác giả loại này thật nhiều. Đến như người bài bác Dương Mặc mà tôn vinh Cơ Khổng thì đều thuộc loại người ấy. Còn kẻ ưa chê bai mà rộng bày Thánh Đạo thì ta chưa hề thấy có ai cả. Sư tại sao lại đến đây? Phải chăng là do mệnh trời giúp cho Tổ Vương mà mượn tay của thầy ta ư? Nếu không phải thế thì làm sao có kẻ đội mũ Chương Phủ, mặc áo Phùng Dịch ư? (ở Lễ Ký, Khổng Tử nói: Ta thưở bé sống ở Lễ thì mặc áo Phùng Dịch, lớn lên ở Tống thì đội mũ Chương Phủ), kẻ nô bộc dù không nịnh cũng đã từng giúp việc ở đó. Thường khi muốn dùng đội binh chữ nghĩa để đánh bắt Bách Gia ở Nho Cung. Vả lấy Đạo nhỏ quá loạn thường mà đánh dẹp, khiến cho Tổ Thuật Hiến Chương được tôn kính bằng trời, sau đó mới biết tôn vinh Phu Tử. Ôm ấp nỗi niềm này thật đã lâu ngày, nay mới nhìn thấy Thông Luận của Sư viết ra, có thể bảo đó là mưa thật hợp thời, mặt trăng mặt trời cùng xuất hiện! Đang lúc mưa ướt đầm thì đèn lửa có dùng chi (Trang Tử nói mặt trời, mặt trăng xuất hiện, đèn lửa không dứt). Sư có soạn Tăng Sử Lược ba

quyển. Phàm các Pháp Môn từ bắt đầu cho đến đổi mới đều chép đủ. Các bậc Đài Các muốn luyện nội ngoại điển đều nên đọc kỹ Thông Luận.

Bàn rằng: Đạo Pháp sư viết tựa khen tặng Tăng Sử Lược, Quan Nội Hàn Vương Công bài bác Đạo Phật hơn cả Hàn Dũ, mà chỉ riêng có Tán Ninh Thông Tuệ cảm phục được ông thôi, bởi vì học hạnh và tài trí của ngài rất đáng kính. Nay xem qua Tiểu Súc Tập thì việc sửa chữa Tăng Sử đáng tặng ngài bảy chữ, tuyển soạn Thánh hiền Lục đáng tặng ngài năm tiếng. Khi lâm chung thì táng ngài ở Tiền Đường và làm Chí ở mộ, lại làm lời tựa đặt trước các tác phẩm Nội Ngoại Điển của ngài, riêng Thông Luận thì viết thư khen ngợi.. Vả lại rất tán thán việc ngài chê Đồng Trọng Thư vấn nạn Vương Sung để bài bác Nhan Sư Cổ, cho là không phải lịch sử chê Bách Gia từ Chu Tần đến nay chưa hề thấy. Thế mới biết rằng Vương Công đối với Thông Tuệ không dám bài Phật, mà lại cho ngài là có học thức cao siêu, có thể nói rằng ông đã thành thật khâm phục. Đến như Đạo Đức của ngài thì Vương Công chưa học nên không đủ để hiểu xa, không phải như Lương Kính Chi hiểu ngài Kinh Khê, Liễu Tử Hậu hiểu ông Trọng Tồn.

Năm Hàm Bình thứ sáu, Quan coi Khai Phong Phủ là Trần Thứ tâu vua rằng: “Các Tăng Đồ đến Thiên Trúc thỉnh kinh, thần từng mời hỏi thì thấy họ học tập kinh sách ít ỏi, tư chất tầm thường như thế mà đến các phiên trấn ắt bị khinh chê. Vậy từ nay phải thi Kinh, chọn xét người có tài mới cho đi”. Vua ban chiếu chấp thuận.

Tháng hai, vua ban chiếu các sách vở, bài giảng của ngài Trí Giả Thiên sư đời Tùy nên sắp xếp phân loại san định và khắc bản lưu hành tất cả gồm một trăm năm mươi bốn bộ, ban tên là Thiên Thai Tổng Lục. Dịch Quán xin cho đính kèm Khai Nguyên Đông Độ Tập Truyện. Vua chấp thuận.

Năm Cảnh Đức thứ nhất, Sa-môn Tịch Chiếu ở nước Nhật Bản đến hiến tặng tượng Phật Vô Lượng Thọ, kinh Pháp Hoa chữ vàng và một số châu ngọc, thủy tinh, vua ban cho Tử y. Ngài Tam tạng Pháp Hộ ở Tây Thiên đến dâng tặng xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y và xấp lụa, mời ở tại Viện Dịch Kinh. Sa-môn Giới Hiền ở Bắc Thiên Trúc đến dâng tặng kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Tháng bảy có hạn hán nặng, vua mời Phạm Tăng Tây Thiên đến lập đàn ở giữa ao Kim Minh để đọc chú khấn Rồng, bỗng có mây và sương mù từ ao bốc lên, phút chốc mưa xuống. Từ đó năm nào hạn hán đều làm phép đọc chú có nhiều linh nghiệm.

Sa-môn ở Đông Ngô là Đạo Nguyên đem dâng vua bộ Thiên Tông Truyền Đăng Lục ba mươi quyển. Vua ra chiếu sai Hàn lâm Học sĩ Dương Ưc tài định và ban hành.

Năm Cảnh Đức thứ hai, tháng ba, Sa-môn nước Ca-thấp-di-la là Mục-la-thất-khê đến dâng kinh Phạm và lá Bồ-đề. Tháng bảy, Sa-môn Tây Thiên là Đạt-ma-ba đến dâng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y. Tháng chín, vua đến Viện Truyền Kinh ban cho các vị Tam tạng và chư Tăng ngôi và ban cho trà, hương, lụa theo thứ bậc.

Vì các trụ trì trong các chùa trước đây do Tăng chức mà dời đi hoặc bỏ nhậm người không có tài đức. Bấy giờ vua mời vào điện để khảo duyệt Kinh nghiệp.

Năm thứ ba, Quan Thị Độc các Vương Phủ là Tôn Thích tâu vua giảm bớt việc hao tổn về sửa chùa độ Tăng. Vua nói: Hai Đạo Phật và Lão đều có khuyên dạy giúp đời, có người vì thiên kiến nên thường chê trách. Giả sử như có Tăng hay Đạo sĩ nào có lúc không tự kiểm thúc thì đâu có thể dẹp bỏ liền được. Vua ra chiếu Phật và Lão mỗi năm độ mười người, đặc biệt có thể cho một người không thi Kinh.

Ở Vụ Châu có Sa-môn Chí Mông họ Từ, mặc áo gấm thích ăn đầu heo, nói việc tốt xấu của người đều ứng nghiệm, bảo mọi người kêu mình là “cậu nhỏ”, tự bảo là “chồng chị Từ.” Một hôm ngồi mà hóa ở ngã ba đường tại chùa Cát Tường, để lời di chúc rằng: “Ta là Phật Định Quang”. Do đó thờ nhục thân ngài, cầu đảo đều luôn linh nghiệm. Đời gọi là ngài Hòa thượng Đầu Heo.

Năm thứ tư, vua ban chiếu những ai bán rượu thịt ở kinh thành đều phải ở cách ngoài Chùa và Quán một trăm bước, những ai bán đổi rượu thịt và ngũ tân cho Tăng và Đạo sĩ cho phép dân báo cáo, nếu tội nặng thì luận tội.

Bàn rằng: Chân Tông đáng gọi là một vì vua Nhân Thánh. Khi mới lên ngôi đã viết bài tựa Thánh Giáo (gọi các Tạng Kinh mới dịch là Thánh Giáo. Tục viết tựa Thánh Giáo bắt đầu từ đời Đường), viết Sùng Thích Luận. Trần Thứ bàn việc dẹp bỏ dịch kinh thì vua không chịu, Tôn Thích xin giảm việc độ Tăng, vua không nghe mà còn hạ chiếu cho phép luận tội những kẻ bán rượu thịt cho Tăng và Đạo sĩ, vì nghiệp nhớp như vậy không được quấy rầy Thánh cảnh. Sau đó Sa-môn Giác Xứng từ Thiên Trúc đến bảo Học Sĩ Dương Ưc rằng: “Vào nước này thấy việc giết mổ heo dê, chợ quán treo thịt, đầu đợn không đành lòng nhìn. Ở Thiên Trúc ai ăn thịt và ngũ tân đều bị đuổi ra khỏi thành, cho nên không có ai bán. Thế mới biết ở các Quận Ấp cõi Đông Hoa quen

việc ăn thịt, nên thấy việc đó mà lòng vẫn đứng đưng không biết xấu hổ!” Có lần cùng người nêu việc này để xin thanh minh, suy rộng phép tổ tông, không cho người nuôi giết súc vật ở trong thành, không cho treo bày thịt cá nơi phố xá chợ búa (phàm những người giết mổ phải ở ngoài thành không được ở chung trong xóm đông người. Người bán phải dùng giỏ tre đầy điếm kín đáo đem đóng thuế rồi mới bày ra đường phố mà bán) ngõ hầu chỗ người ở được sạch sẽ mắt không quen thấy, do đó mà bỏ đi tánh sát, nuôi lớn tâm nhân từ, đổi thói ác đi vào đường thiện, há không giúp ích lớn cho việc dạy dỗ cai trị của Quốc gia sao?

Xưa, Huyện Lệnh của Chư Kỵ là Phan Hoa dựa vào Phổ Hiền Sám Pháp không cho người dân bắt lưới cá trong sông hồ. Tháng mười năm ấy vâng chiếu vua trở về Cung Khuyết, đêm mộng thấy cá trong sông hồ đều là hình người có mấy vạn, gào khóc vang trời, cùng nói rằng: “Trưởng giả đi rồi, chúng tôi tất không khỏi bị chưng nấu.” Hoa lấy làm lạ bèn làm Mộng Ngư Ký để dặn dò các quan áp sau này (Ngài Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh làm lời Bạt, có ghi trong Giáo Hạnh Lục).

Các Quan tâu: “Ngu dân không biết nên nịnh Phật quá mức, cho rằng bỏ tiền của thì được phước, tu cúng thì được giảm tội, làm hại nền cai trị của Quốc Gia cần nên ngăn cấm.” Vua bảo các Tể Thần rằng: “Phật giáo khiến người làm thiện thật rất có ích đâu nên ngăn cấm. Vả lại Phật pháp rất rộng, tuy là các nước mới hoang phục nhưng đều biết tin tưởng phụng thờ. Chỉ có Trung Nguyên là có Đạo giáo nhưng không thanh lắm”. Vương Đán tâu rằng: “Năm nay Lỗ Sứ lên mở bảo tháp chiêm lễ rất chí thành thì sẽ cấm giết hại, kịp khi đến Thượng Thanh Cung thì không chịu quỳ gối. Thế mới biết Tứ Di (bốn Rợ) chỉ trọng Phật mà không kính Đạo Lão”. Vua cho là phải.

Bàn rằng: Lão thờ trời, trời thờ Phật, cho nên kẻ vì nước tất phải cho cả hai giáo cùng sống còn, việc phân chia tôn ti lớn nhỏ lâu dần tất tự sáng tỏ. Chỉ có Hoàng Đế Chân Tông có Thánh tâm rộng dung cả pháp giới bao la, kính mạng trời tôn Phật Thừa là do chân tánh tự phát không đợi phải học, mà tránh được cái thiên lệch bỏ Đạo của Lương Võ Đế, cũng không vướng phải cái lỗi trọng Lão Đam của Đường Tông (Năm Thiên Giám hai Lương Võ Đế bỏ Đạo; Năm Chánh Quán thứ mười một Đường Thế Dân cho Lão trên Phật), vua đã chống cự mạnh mẽ việc quan liêu nói nịnh Phật được phước, gạt phăng lời Trần Thứ cho việc dịch kinh là tổn hao. Trên thì nối pháp tổ tông, dưới thì lập nên quy tắc. Nếu không phải là bậc chí thánh trong thiên hạ thì ai có thể làm được?

Vua ra chiếu sai Sứ đưa ca-sa Kim Lan đến chùa Trung Các ở núi La Phù tại Tuệ Châu để trang sức cho tượng Linh Thích-ca và vì nước mà lập đạo tràng Kỳ Phước, cảm được đám chim lành năm sắc tụ họp ở Đền Trai. Tượng này cao tám thước từ Tây Thiên đưa về. Vào năm Khai Hoàng nhà Tùy ngài Thích Tuệ An thờ tại chùa Long Hoa. Đến năm Hội Xương gặp nạn phước bỏ kinh tượng, nhưng vì linh nên không phá bỏ được. Đạo sĩ giấu ở Đô Hư Quán. Đến năm Hàm Thông, Nam Hải Tiết Độ Sứ là Vi Trụ rước về thờ ở Trung Các Tự.

Tháng bảy, vua ra chiếu trên các thêm điện Chùa Quán, nhân dân không được ở trần ngồi nằm, ai trái thì sẽ bị tội bất kính.

Tể Tướng Vương Đán dẫn văn võ bá quan năm người dâng biểu thỉnh vua phong Thiện. Tháng mười tại Kinh Đô, dân chúng nối nhau dâng biểu lên vua, vua chấp thuận. Tháng mười một, vua xa giá đến Khúc Phụ (Sung Châu, xưa là đất nước Lỗ) yết kiến Tiên Thánh Miếu. Hữu Ty định rõ nghi lễ đứng hầu nghiêm túc, vua lên lạy rồi ban định chế thụy phong thêm cho Khổng Tử là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương. Đọc chúc văn dâng danh chức, phong cho cha ngài là Thúc Lương Hột làm Tề Quốc Công, cho mẹ ngài Nhan Thị làm Lỗ Quốc Phu Nhân, cho vợ ngài Quan Thị làm Vận Quốc Phu Nhân. Cung cấp mười hộ để thờ phần mộ, ban cho một trăm khoảnh ruộng và Ngự Chế Tán (lời vua khen), phong ngài là Tề Thái Công Chiêu Liệt Võ Thành Vương.

Bàn rằng: Từ xưa việc tôn vinh Tiên Thánh thì đầu tiên Hán Cao Tổ qua nước Lỗ làm Lễ Tế Phong. Sau đó Bình Đế mới phong làm Bao Thành Công. Lương Võ Đế bắt đầu khiến thiên hạ lập miếu thờ. Đến Bắc Ngụy Hiếu Văn thì đổi thụy phong là Văn Tuyên Công. Đến Đường Thái Tông thì dùng lời nghị bàn của Phòng Nguyên Linh, Thái Học Thích Điện mới bắt đầu tôn là Tiên Thánh và kính Nhan Tử làm Bồi Hưởng. Đến đời Đường Minh Hoàng bắt đầu dâng hiệu là Văn Tuyên Vương đặt ngôi quay mặt về hướng Nam, dùng âm nhạc bậc vương giả nơi Cung Huyện. Đến Hoàng Triều Tống Chân Tông lại thụy phong thêm là Chí Thánh Văn Tuyên mà đọc chúc văn, tiến cử danh chức, định nghi thức tiến lễ. Rõ là từ xưa việc tôn vinh Tiên thánh không bằng ngày nay vậy. Hàn Xương Lê bảo rằng cả thiên hạ đều cùng tế lễ Khổng Tử. Từ Thiên tử trở xuống đều quay mặt về hướng Bắc mà quỳ lạy. Việc thờ cúng rất linh đình chưa có ai được như Khổng Tử. Là bởi Khổng Tử có đức, dù không được ngôi vua nhưng luôn được cúng tế hằng năm (thấy trong bia của miếu Khổng Tử tại Xứ Châu). Thế mới biết từ Đường Minh Hoàng tôn vinh ngài bằng Vương Lễ, cho nên đời

đời Thiên tử đều lạy mà cúng tế. Nay Tống Chân Tông lạy riêng là hợp với đời xưa nhưng vì sao các Lễ Quan không biết định ra nghi thức mà chỉ đứng hầu nghiêm túc. Thất đáng xấu hổ!

Vua ra chiếu cho sửa sang lại các tượng Phật ở Thái Sơn, có tất cả ba mươi hai pho, chính vua viết bài Ký Trùng Tu Phật Tượng.

Nhạn Đãng Sơn từ xưa chưa có Đồ Điệp (sách bản đồ) nào nói đến. Trên đỉnh núi có một ao lớn tương truyền là Nhạn Đãng (bãi nhạn), dưới có hai đầm sâu là ao rồng. Phía Nam núi có ngọn Phù Dung, dưới có trạm dịch Phù Dung, quay mặt về biển cả. Theo sách của Tây Trúc thì Tôn giả Nặc-củ-la ở trên bờ biển lớn phía Đông nam nước Chấn Đán. Núi có tên chim, thôn có tên hoa. Đường Quán Hưu có bài Tán rằng: “Nhạn Đãng kinh hành mây mịt mịt, Ao rồng thiền tọa mưa bay bay”. Trong năm Tường Phù, tiều phu mới phát giác từ đó mà nổi tiếng (Núi ở Lạc Thanh tại Ôn Châu – Nặc-củ-la là một trong mười sáu vị La-hán trụ thế - Chấn Đán là tiếng Phạm, Tàu gọi là nước Quân tử ở phương Đông). Ngài Thụy Lộc Bản Tiên Thiên sư ở Nhạn Sơn ngồi kiết ấn mà tịch. Nhiều tháng mà nhục thân không biến đổi thường nghe có mùi hương lạ. Vua ban chiếu lấy Tập Trúc Lâm của Sư viết đem cất trong gác kín (Sư nổi Thiều Quốc Sư).

Năm Đại Trung Tường Phù thứ hai, tháng giêng, do Lễ Hội mừng Phong Thiện, vua ra chiếu các chùa quán trong thiên hạ mỗi nơi độ một người để hầu cận Thái Sơn. Các bồi vị Tăng và Đạo mỗi vị độ một đệ tử.

Vua ra chiếu ở chùa Sùng Thắng tại Thăng Châu ban cho tên Thừa Thiên Cam Lộ Giới Đàn. Vua ra sắc lệnh ngài Quang Phạm Đại sư Duy Tịnh Thí Quang Lộ Khanh cùng dự dịch kinh.

Tháng chín, Ngô Quốc Đại Tướng Công Chúa xuất gia, Pháp danh là Thanh Dự. Vua ban hiệu là Báo Từ Chánh Giác Đại sư, tức là con gái thứ bảy của Thái Tông, hồi còn bé không ăn cá thịt. Vua cha đến chùa Diên Thánh ẵm ra trước Phật nguyện cho làm Ni. Đến khi xuống tóc, vua ra chiếu xây Viện Tư Thánh cho bà ở, lại ra lệnh cho Thích Môn oai nghi (tức các thứ chuông trống náo bạt cờ phướn...) dạy thêm bộ nhạc của Phường dùng để làm lễ đưa đón. Lúc đó con gái của Mật Vương, con gái của Tào Vương và hơn ba mươi người ở hậu cung đều cùng theo xuất gia. Vua ra chiếu ngày ấy trong thiên hạ cứ mười đồng tử thì độ một người. Vua lại ra chiếu ở Doanh Giáp Mã tại Lạc Dương là nơi Thái Tổ sinh ra nên lập chùa Ứng Thiên để thờ Thần Ngự.

Năm thứ ba, vua ra chiếu tại chùa Thái Bình Hưng Quốc ở Kinh

Sư lập Phụng Tiên Cam Lộ giới đàn. Các lộ trong thiên hạ đều lập giới đàn có tất cả bảy mươi hai đàn. Riêng ở chùa Từ Hiếu tại Kinh Sư thì lập Đại thừa giới đàn.

Bàn rằng: Tăng Sử Lược của Ninh Thông Tuệ nói rằng: Cam Lộ là dụ cho Niết-bàn. Giới là cửa đầu tiên vào Niết-bàn, cho nên từ Quả mà nêu tên. Nay nói riêng lập Đại thừa giới đàn, nghĩa là trước đây ở các nơi thọ Cụ túc giới Thanh Văn, sau đến đất này thọ thêm Bồ-tát giới để thuận với việc khai mở cái nghĩa kẻ xuất gia ở đời Mạt pháp sau này thì cả giới và thừa đều gặp vậy.

Vua ban chiếu các Châu Quận trong thiên hạ, nếu các Tăng và Đạo sĩ có phạm tội công thì cho được phép chuộc tội. Ra lệnh quan các cấp vô cơ hủy nhục Tăng Ni như gọi bọn trọc này nọ thì sẽ bãi quan chức, còn thường dân thì đầy đi ngàn dặm.

Vua ban chiếu cho Tri Chế Ngũ Lý Duy lấy đề mục trong các kinh luận khảo thí các Sa-môn để bổ nhiệm theo thứ tự vào các chức Tả Hữu Nhai. Tả Nhai thì ở chùa Tướng Quốc, Hữu Nhai thì ở chùa Khai Bảo.

Vua ra chiếu mời ngài Tây Phong Vân Khoát Thiên sư tại Cát Châu đến ở tại Bắc Ngự Viên. Ngài nhập định hơn một tháng rồi xin vua được về núi cũ. Vua ban chiếu chấp thuận. Ngài mỗi khi nhập định có thể kéo dài suốt cả năm mới xuất định.

Sa-môn Chúng Đức ở Tây Thiên đến Triều dâng xá-lợi Phật, kinh Phạm và Ấn Bồ-đề. Sa-môn Giác Giới (Pháp Xứng) ở Trung Thiên Trúc đến Triều dâng xá-lợi Phật, kinh Phạm, chân dung Kim Cang Tòa và lá Bồ-đề, vua mời vào điện gặp hỏi han ủy lạo rất hậu, mời nghỉ ở Viện Dịch Kinh. Pháp Xứng dâng vua bài Tán Thánh Tụng. Vua chiếu cho ngài Duy Tịnh dịch ra. Pháp Xứng bảo học sĩ Dương Úc rằng: “Vào nước này trông thấy việc giết mổ heo dê, chợ quán treo thịt, đau đớn không nở nhìn. Ở Tây Trúc những ai ăn thịt và ngũ tân đều bị đuổi ra khỏi thành nên không có người bán. Ý không muốn ở đây lâu, nguyện đến núi Ngũ Đài lễ Đức Văn-thù rồi trở về nước”. Tấn Đình Công hỏi: “Từ xa xôi mấy vạn dặm ngài đến đây làm gì?” Xứng đáp: “Chỉ muốn lễ Tháp Tuyên Luật Sư mà thôi”. Đến khi trở về vua ra chiếu ban cho Kim Lan Ca-sa để thờ tòa Kim Cang và ban cho Sư y trang tiền bạc trà quả...

Ở Tứ Minh, ngài Tri Lễ Pháp sư, lúc xưa đã cùng Sa-môn Dị Văn ở Bảo Ân tại Nam Hồ tụ họp chúng giảng đạo. Năm ấy vua ban cho Ngạch Diên Khánh bèn làm bài Thành Thệ Từ hai Thiên, khiến mãi mãi làm nơi giảng Thiên thai Giáo Tông. Lời nói ấy khiến Tông Thiên

Thai ta có năm đức, ta giao cho những người ở đây mãi mãi sau này làm việc gì cũng đều tuân theo, năm Đức ấy là:

1. Những cựu học Thiên Thai không gồm giảng các môn khác.
2. Luôn nghiên cứu tinh vi nghĩa xa về các luận thuyết cạn cợt đối trá.
3. Luôn giữ giới đức, những người có danh phải “Chánh kỷ đãi vật.”
4. Xa lánh người có tiếng tăm mà không làm nhục Đạo ta.
5. Lời văn biện luận đều hoa mỹ siêng năng dẫn dắt.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ tư, tháng ba, vua đến chùa Quảng Hóa ở núi Long Môn tại Lạc Dương để chiêm lễ Tháp ngài Tam tạng Vô Úy và viết bài tán khắc đá để ở tháp. Lại đến chùa Bạch Mã chiêm lễ chân thân của ngài Tam tạng Ma-đăng. Vua bảo cận thần rằng: “Ngài Ma-đăng đến nay đã ngàn năm mà toàn thân không hư hoại thật đáng tôn kính. Nên nghiêm khắc khuyên Tăng trong chùa để ý giữ gìn”. Nhân đó vua tự tay viết lời khen ngợi.

Vua ra chiếu ban ba ngàn lượng vàng ròng để sửa chữa thêm chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi, thiết lễ trai ba vạn Tăng, mỗi năm độ Tăng bốn vị.

Vua ra chiếu mời Quân Thủ Kiên Đạo Giả ở Liên Thủy vào gặp. Vua bảo các cung nữ đều đốt hương ra chào, mỗi cung nữ đến trước Sư, vua gạt bảo là Hoàng hậu. Sư đều bảo là không phải. Như thế đến mấy mươi người. Bỗng Sư đứng dậy bảo: “Bệ Hạ nên nuôi dưỡng kỹ người này, ngày sau tất sẽ làm gia chủ”. Đó tức là Chương Hiến Thái Hậu vậy (Hoàng hậu của Chân Tông là Lưu Thị. Khi Chân Tông lên ngôi vì nhỏ tuổi nên tôn Lưu Thị làm Hoàng Thái Hậu, khi lâm triều xưng là Chế Thập Nhất Niên). Sư xin vua được về núi, vua ban chiếu chấp thuận. Ở trên núi Sư thường mặc áo giấy, đóng cửa không tiếp ai. Có người để cơm ở sân, khi người lui rồi Sư mới lấy ăn.

Tháng năm, Sa-môn Tịch Hiền nước Bát-ni đến triều, dâng hiến kinh Phạm và ấn Bồ-đề. Vua ban cho Tử y. Tháng mười một, Quan Thú Ích Châu là Lý Sĩ Hành dâng lên vua bộ Thích Thị Hội yếu bốn mươi quyển do Sa-môn Nhân Tấn biên chép sửa chữa.

Năm thứ năm, tháng hai, vua ra chiếu mời Sa-môn Mậu Trinh ở núi Nga Mi tại Gia Châu vào gặp, vua ban cho Thi và mời ở tại chùa Cảnh Đức. Thư Vương Nguyên Tái mộng thấy trẻ thanh y cầm thư trao cho Trung Thư, rồi nường mây vàng mà đi mất. Vua đem việc hỏi Sư. Sư đáp: “Sắp có tin mừng Thiên tử giáng thai”. Chưa bao lâu thì Nhân

Tông sinh. Thuở xưa, Lạc Sử bị đày ở Tây Kinh, mộng thấy Thiên đế mời vào bảo rằng: “Vua nhân gian cầu tự ta đã chọn cho một người”, liền thấy một chàng trẻ tuổi đến. Thiên đế bảo: “Vua Trung Nguyên cầu con, vậy ngươi nên đi chớ từ chối”. Người ấy bèn cúi đầu chào rồi đi. Người hầu bên bảo: “Đó là Nam nhạc Xích Khước Lý Tiên đấy!” Năm sau thì sinh Nhân Tông (Trương Sư Chánh Quát Dị Ký).

Nước Nhật Bản sai Sứ đến khen ngợi triều cống nói rằng: “Cõi Đông có ánh sáng lành. Thấy truyện xưa nói vua Trung Nguyên sáng suốt tất ứng với điềm lành này”. Vua rất mừng. Ra chiếu ở Nhật Bản lập chùa, vua ban ngạch là Thần Quang. Quan coi việc cúng tế, soạn bài Tự Ký.

Năm thứ sáu, tháng hai, vua ra chiếu trong thiên hạ các quan lại phải cho các cậu bé thi Kinh rồi mới được thế độ. Tháng năm, ở chùa Khai Bảo, trên luân tướng tháp Phước Thắng thấy có ánh sáng màu vàng, lại có Thánh Tăng đi nhiều tháp. Sáng hôm sau được xá-lợi ngũ sắc. Vua thân đến kính xem, thì thấy xá-lợi hiện bày ở tháp, to như mặt trăng, sắc trong như thủy tinh, động đây bay qua lại trên các linh treo bên trên. Dân chúng cùng chiêm lễ trên nền gạch được xá-lợi hơn năm ngàn hạt. Vua ban hiệu là Linh Cảm tháp. Lúc đó ở Kinh sư tại chùa Thiên Thanh có tháp Hưng Từ cũng thấy xá-lợi trên luân tướng. Vua bảo: “Điềm lành báo hiệu phước của dân chúng thời Tượng pháp”.

Tháng tám, Binh Bộ Thị Lang Dịch Kinh Nhuận Văn Quan là Triệu An Nhân vâng chiếu vua chép Biên Tu Đại Tạng Kinh Lục vừa xong, gồm hai mươi mốt quyển. Vua ban tên là Đại Trung Tướng Phù Pháp Bảo Lục, rồi ban cho bài Tựa Ngự Chế. Nói rằng: Từ năm Thái Bình Hưng Quốc đến nay đã dịch xong kinh luật Luận được bốn trăm mười ba quyển. Bí Thư Giám Dương Úc, Quang Phạm Đại sư Duy Tịnh... lần lượt biên chép. Lại xin lấy Lương Triều Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập chép vào Đại Tạng, vua hạ chiếu khen ngợi.

Vua ra chiếu thụ phong cho ngài Tăng-già Đại Sĩ Phổ Chiêu ở Tứ Châu là Minh Giác Đại sư, công tư không được chỉ trích tên ấy.

Tháng chín, Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Tri Hiền... đến triều hiến xá-lợi và kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Tháng mười một, thấy xá-lợi ở Cung Ngọc Thanh Chiêu Khánh và ở điện Thánh Tổ Minh Khánh. Có người cho rằng việc xá-lợi Đạo môn không có. Vua bảo Tể Tướng Vương Đán rằng: “Lập ra ba Giáo chứ về ý chỉ là một, đại để là khuyên người làm lành chỉ có kẻ sáng suốt thì mới có thể thấu suốt, kẻ câu nệ thiên chấp thì càng xa Đạo”.

Bàn rằng: Pháp thân xá-lợi không đâu không có và sẽ cảm thông khắp nơi, dù kẻ ngoan không hủ bại còn có thể được, thì nơi Cung Quán của Đạo Gia sao chẳng có. Chỉ vì Tông ta kính trời thờ Phật, đức khắp u hiển. Thỉnh thoảng các nơi chùa tháp nhiều phen được xá-lợi, nhưng nay lại thấy có ở điện Thánh Tổ. Chí thành kính bày Phật Tiên để tỏ lòng kính thờ hai Đạo. Do tinh thành cảm cách mà được như thế.

Sa-môn Mãn Hiền ở Ba-la-nại tại Tây Thiên dâng lên vua kinh Phạm và lá cây Vô Ưu. Pháp sư Sùng Cự ở Phù Thạch (đệ tử ngài Tứ Minh Pháp Trí) đến Kinh Sư, vua nghe tiếng Sư bèn mời vào Nội điện giảng kinh Tứ Thập Nhị Chương, bèn luận nhiều về danh và lý. Vua rất mừng, ban cho Tử y, tiền, vàng và hương, thuốc.

Năm thứ tám, tháng giêng, các quan tâu: “Mỗi năm vua xa giá đến các Chùa Quán hơn ba mươi nơi, lạy cả trăm lạy trở lên. Mong từ nay ở các điện, khiến các cận thần chia nhau mà lạy như thế”. Vua bảo Vương Đán rằng: “Trăm cầu phước trong ngoài, chí thành kính lễ chưa từng biếng nhác. Nay các Khanh tâu xin giảm bớt không hợp ý Trẫm” (Quốc Triều Hội Yếu).

Bàn rằng: Theo Quy Điền Lục thì vua Thái Tổ vào chùa hỏi ngài Tán Ninh Thông Tuệ rằng: “Phật đáng lạy chăng?” Ngài đáp: “Phật hiện tại không lạy Phật quá khứ”. Tán Ninh ở Triều Thái Tông theo Ngô Việt Vương lúc mới về kinh sư, chưa từng kịp gặp Thái Tổ. Đây là Âu Dương ghi dối. Nay thấy Chân Tông trăm lạy trở lên không muốn chia trách nhiệm cho cận thần là bởi đã quen nhiều gia pháp của Tổ Tông. Về sau như Huy Tông lạy rằng Phật, Nam Độ Lịch Triều (các Triều từ khi dời Đô về phương Nam) lạy Đại sĩ, thì biết cái lý từ khi có nước đến nay không ai chẳng lạy Phật. Âu Dương khinh Phật, không muốn vua Chúa phải lạy cho nên đặt láo việc này, nói chuyện hiện tại quá khứ vô nghĩa. Do đó mà trên thì vu cáo Chúa Quân, dưới lại cáo Ninh Sư. Thật quá lắm!

Vua ban chiếu ở đất Bính trong đại nội xây cung Cảnh Linh để thờ Thánh Tổ. Vua ra lệnh ở núi Nam An ở Đỉnh Châu gọi là Quân Khánh Viện, lại ban cho Thái Tông Ngự Thư một trăm hai mươi cuốn. Trước đó Sư Thích Tự Thành ở trên núi, thần dị khôn lường, nói đó là Đỉnh Quang Phật hóa thân, thấy sông Hoài Nhân có con Giao Long hại người, bèn viết kệ ném xuống đầm thì nước ứ lại cát nổi lên lấp đầm thành Châu, việc quái vật liền dứt mất. Sư đến mồm núi Huỳnh Dương ở Mai Châu, dân thiếu nước uống. Sư liền lấy gậy chỉ vào khe nước đời nó ra gần bên đường. Mỗi năm khi có hạn hán, Sư viết kệ ném xuống thì gió mưa kéo

đến. Sau mỗi kệ đều có bốn chữ “Tặng dĩ chi trung”, người đời không hiểu là ý gì.

Vua ban chiếu đem Thái Tông Ngự Chế Diệu Giác tập năm quyển, giao cho Viện Truyền Pháp ghi vào Đại Tạng.

Bàn rằng: Việc học của Đạo Gia là Đạo đức âm phù, đó là gốc của việc tự tâm tu thân. Đến như nói về nội đôn, ngoại đôn, hỏa hầu, khẩu quyết thì không bao giờ truyền cho người thường. Còn như Bàn Môn, như phép Thai Tức, các toa thuốc bằng cây cỏ đều là trên thì Tiên Thánh, dưới là Đạo giáo dùng để độ người đời. Không thể gọi đó là hư vô được. Còn như việc bày Đàn truyền lục bắt đầu từ Thiên Sư thì đó là Pháp của Thiên đế giúp nước giúp người, trị giữ nhiếp tà... đều có thể giúp việc giáo hóa trong thiên hạ. Thế nên Đạo này ở trong một quốc gia cùng góp mặt với Nho Thích mà thành Tam Giáo, còn việc lớn nhỏ hơn kém trong ngoài thì xét so sánh tất sẽ thấy rõ. Cho nên Hám Trạch đã nói với Ngô Vương rằng: “Đạo thờ trời, trời thờ Phật.” Còn Lý Sĩ Khiêm thì luận về Tam Giáo rằng: Nho là năm sao, Đạo lão là mặt trăng, Phật là mặt trời. Thấu suốt ý này thì ngôi vị của tam Giáo đã xác định. Đời nói Phậ, Đạo, Nho là bởi gốc này vậy. Cho nên Nho sinh, Đạo sĩ không phân biệt gốc ngọn mà muốn hủy báng Đạo, Phật thì đều là lỗi của kẻ học ngọn vậy. Như trong Đạo Lão có việc thêm lời dối trá nói rằng Lão Tử hóa Hồ dùng Phật làm thị giả đó là hủy báng Lão Tử, khinh thường Thế Tôn thì lỗi biết dường nào!

Nước Chú Liễn ở Nam Hải sai Sứ đến Triều cống dâng lên vua kinh Phạm ở Thiên Trúc, Sứ tâu rằng: “Từ suốt bốn mươi năm đến nay biển cả không sóng gió.” Ý nói là ở Trung Quốc có Thánh nhân ra đời.

Năm Đại Trung Tương Phù thứ chín, tháng hai, Sa-môn Thiên Giác nước Ưu-diên-năng ở Bắc Thiên Trúc, Sa-môn Diệu Đức nước Sư Tử ở Nam Thiên Trúc, các Sa-môn ở nước Ca-tha ở Tây Thiên Trúc đến, mỗi vị đều dâng tặng vua xá-lợi và kinh Phạm, vua cũng đều ban cho Tử y và tiền vàng.

Tháng tư, Sa-môn Đồng Thọ nước Tát-phước-la ở Trung Thiên Trúc dâng tặng kinh Phạm, vua ban cho Tử y. Tháng năm, Sa-môn Phổ Tích nước Phược-lân-nại ở Đông Thiên Trúc đến dâng tặng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Bàn rằng: Các Phạm Tăng ở Tây Trúc nối nhau đến Trung Quốc rất đông. Đến như Sa-môn ở Ngũ Thiên Trúc tranh nhau tập họp dưới Cung Khuyết thì đông đảo không thời nào bằng, đó là hưng thịnh của

Pháp vận mà cũng do đức độ của vua cùng chiêu cảm được. Tên các nước của Ngũ Trúc trong Tây Vực thì chỉ tìm thấy có nước Sư Tử, còn các nước khác không tìm được. Ấy là do việc xưa và nay luôn biến đổi. Cũng như xưa là Hán Đường mà nay là Tống nhưng thật ra chỉ là một vùng đất nước.

Sa-môn Kế Toàn từ Tây Trúc trở về thỉnh được xá-lợi Phật bèn xây tháp thờ ở Dương châu. Khám đá Phật ở núi Long Môn tại Tây Kinh lâu năm đã hư phế nhiều. Vua sai Sa-môn Thê Diễn tìm thợ để sửa chữa, có tất cả một vạn bảy ngàn ba trăm ba mươi chín tượng Phật và Thánh Tổ.

Tháng chín không mưa, vua ra chiếu mời Sa-môn Trí Ngộ ở Quy Sơn tại Tứ Châu vào kinh, nghỉ ở chùa Khai Bảo để cầu mưa. Ngài Trí Ngộ trước đây ở Tứ Châu đã cầu mưa có linh nghiệm. Ngài đã từng chặt một cánh tay. Khi đó ngài lại bảo: Nếu bảy ngày mà trời mưa thì chặt bỏ thêm một cánh tay nữa. Đến ngày thứ năm thì trời mưa to. Ngài bèn chặt một cánh tay. Vua sai Sứ ban cho thuốc, ngài nói: Không cần. Người ta thấy chỗ chặt tay không chảy máu, thật quái lạ. Quan Thú Tứ Châu cùng người trong Quận đều mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: Trí Ngộ là một trong năm trăm vị La-hán đến đây để cứu đời.

Năm Thiên Hy thứ nhất, tháng tư, vua ban chiếu rằng: Kim Tiên dạy bảo làm lợi ích cho hàm linh. Kinh Văn lá bối phải nên truyền dịch. Nếu thầy trò làm đối khác thì ắt là tà chánh cùng xen nhau, đã mất tinh tường lại thành sai trái. Mà cúng tế đồ huyết nhục thêm quấy rối chân thừa, dùng bùa chú ếm trừ càng trái với diệu lý. Nay Kinh mới dịch là Tần-na-da-ca bốn quyển không cho nhập Tạng. Từ nay về sau giống thứ Kinh Văn này không được phiên dịch.

Tháng bảy, vua ban chiếu các giáo văn của ngài Trí Giả ở núi Đông dịch tại Thai Châu được khắc bản in, gồm bốn ngàn sáu trăm hai mươi quyển. Trụ Sơn là Bản Như khuyên người trong Quận xây Giáo Tàng Các để kính thờ.

Tháng chín, Tể Tướng Vương Đán qua đời. Trước đó một ngày ông dặn dò Hàn Học Dương Úc rằng: Ta rất chán cõi đời trần lao này, mong đời sau được làm Tăng ngồi yên bên rừng quán tâm mà vui thú. Nay xin vì ta mà thỉnh các Đại Đức đến thí giới rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba y cho ta rồi đem hỏa táng, chớ bỏ vàng bạc bảo vật trong quan tài. Dương Úc cùng bàn với các Quan Cô nói: Thật đáng bậc Công của Tam Công. Khi liệm vua ban cho áo Cổn Công nhưng đâu thể mặc cho Tăng thể, nên chỉ đắp ba y rồi để vào quan, không để thêm bảo vật (Tướng

Sơn Dã Lục).

Tể Tướng Vương Khâm Nhược gồm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ.

Tháng mười một, vua ban chiếu trong thiên hạ các Châu Quận làm lại ao phóng sinh. Nơi nào không có ao thì dọc bờ sông Hoài qua các Châu Quận những bờ nước cách thành khoảng năm dặm đều cấm bắt cá (Đời Đường Túc Tông lập ao phóng sinh đến tám mươi một chỗ, Nhan Chân Khanh làm bia ghi công đức).

Ngài Diên Khánh Lễ Pháp sư ở Tứ Minh kết hạn với mười Tăng tu Pháp Hoa Sám trong ba năm rồi thiêu thân cúng dường Pháp. Bí Thư Giám là Dương Úc vốn ngưỡng mộ Đạo phong của Sư, gửi thư khuyên thỉnh Sư trụ thế, nói rằng: Khi Thiên Thai Giáo mới được trung hưng, rất cần người truyền trì vì đời dốt dẫn. Rồi Tu Thư Quận Thú là Lý Di Canh cùng ngài Từ Vân ở Thiên Trúc cũng khuyên ngăn. Cả Phò Mã Lý Tuân Úc cũng dâng thư khuyên giải. Sư bèn thể theo ý Công Tư mà cuối cùng đành bỏ ý định trước. Rồi lại kết hạn với mười Tăng tu Đại Bi Sám Pháp ba năm để đáp lại chí nguyện trước.

Năm Thiên Hy thứ hai, vua ra lệnh cho chùa Trường Can ở Phủ Giang Ninh (ở Thăng Châu) đổi tên là Thiên Hy, tháp tên là Thánh Cảm, tức là một trong mười chín chỗ chôn tháp xá-lợi A-dục Vương tại Đông độ này vậy (tháp ở ngoại thành).

Năm thứ ba, tháng tám, nhân tạ ân Thánh Tổ có đại xá thiên hạ. Tiết Văn nói rằng: Diệu Đạo của Hư Hoàng được chân truyền từ Tây Trúc đều là nguồn giáo hóa sáng suốt nào dám quên thờ kính. Nên nay khắp trong thiên hạ Tăng Ni, Đạo sĩ, Nữ Quan và các đồng tử thi Kinh đều cho phổ độ. Thượng Thư Hữu Thừa Lâm, đặc biệt đề cử làm Tự Bộ Văn Diệp, năm ấy độ được hai mươi ba vạn một trăm hai mươi bảy vị Tăng, một vạn năm ngàn sáu trăm bốn mươi ba vị Ni, bảy ngàn tám mươi một vị Đạo sĩ, tám mươi chín vị Nữ Quan.

Vua ban chiếu lập đạo tràng ở điện Thiên An để đáp tạ trời đất. Đại hội Sa-môn, Đạo sĩ được một vạn ba ngàn tám mươi sáu vị, vua đích thân ban tận mặt thuốc bạc và tiền lớn (thuốc bạc tức thủy ngân. Còn Bạc thì đời gọi là Càn Cùng. Sa-môn Đạo Thành ở núi Nguyệt Luân tại Tiền Đường do được độ trong lễ lên ngôi vua soạn bộ Thích Thị Yếu Lâm ba quyển, nói về các Pháp người xuất gia cần biết để lưu hành ở đời. Dịch kinh Tam tạng Pháp Hộ... xin vua đem Ngự Chú Tứ Thập Nhị Chương Kinh và Ngự Chú Di Giáo Kinh cho nhập Tạng để ban hành. Vua đồng ý. Tể Tướng Vương Khâm Nhược ra trấn thủ Tiền Đường đã

dẫn các liêu thuộc đến Thiên Trúc Linh sơn yết kiến ngài Từ Vân Pháp sư Tuân Thức, thỉnh ngài giảng Pháp Hoa, ông khen rằng: “Đạo này chưa từng nghe, người này chưa từng thấy.” Rồi liền tâu vua, vua ban cho tên cũ ở Thiên Trúc. Sư lại tâu xin vua cho lấy Tây hồ làm ao phóng sinh. Mỗi năm vào ngày tám tháng tư thì người trong Quận hội họp trên hồ mặc tình thả chim cá để chúc thọ cho Chúa Thượng.

Tháng mười một, nước Đông Nữ Chân vào triều cống xin vua ban cho Đại Tạng Kinh. Vua ra chiếu cấp cho.

Năm Thiên Hy thứ tư, tháng giêng, Hữu Nhai Giảng Kinh Bí Điển... xin đem Ngự Chế Thích Điển Pháp Âm Tập sai Tăng Tiên chú giải gồm ba mươi quyển, cho phụ vào Đại Tạng. Vua ra chiếu chấp thuận. Trước đó Dương Úc đề cử việc này. Trong tập có tiếng “sáu thứ chấn động”, một vị Tăng chú thích: Đem ba trăm chữ xét kỹ không hiểu được gì cả. Úc bỏ lời chú ấy và tự chú giải rằng: Thể của đất vốn là tĩnh, nay động tất có biến. Người đều phục sự giải thích này.

Sa-môn Phổ Thiện ở Tây Thiên đến Triều dâng tặng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Phò Mã Lý Tuân Úc tâu vua ngài Tri Lễ Pháp sư ở Tứ Minh là bậc cao hạnh muốn bỏ di thể. Vua mừng vui khen mãi không thôi, riêng ban tặng cho hiệu Pháp Trí và tuyên chỉ khiến Sư phải trụ thế để giảng kinh, không được bỏ mình. Lúc đó Viện Dịch Kinh chọn được những bậc chứng nghĩa giảng luận giỏi đến hai mươi ba vị, mỗi vị đều làm thi khen ngợi Đạo đức của Sư (Thi thấy trong Tứ Minh Giáo Hạnh Lục và có khắc đá tại Nam Hồ).

Tháng mười hai, Hàn lâm học sĩ Dương Úc tạ thế, ông rất lưu tâm đến Thiền Quán. Khi có bệnh liền lánh mọi người và ăn chay. Ngày lâm chung ông làm Kệ Không Môn để tỏ bày chí hướng. Kẻ thức giả biết ông là người có học Phật.

Năm thứ năm, vua ban chiếu sai Nội Thị Du Nguyên Thanh đến chùa Diên Khánh ở Tứ Minh thỉnh ngài Pháp Trí Pháp sư lãnh chúng tu Pháp Hoa Sám để cầu phước cho nước nhà. Sư nhân đó soạn bài Tu Sám Yếu Chỉ dâng lên vua.

Vua ban chiếu ở Tỉnh Châu lập Tứ Thánh Thiền Viện cầu phước cho các Tướng sĩ trận vong. Môn hạ của Thị Lang Bình Chương Sự là Đinh Vị kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ, Hàn lâm học sĩ Triều Huỳnh Lý Duy kiêm chức Nhuận Văn Quan.

Bàn rằng: Chân Triều được tồn tại là do các vua biết phát triển cả Tam Giáo, mà kính Phật trọng Pháp hơn cả triều trước cho nên đã

dùng bút thần mà soạn thuật ra các tác phẩm như Thánh Giáo Tự, Sùng Thích Luận, Pháp Âm Tập, Chú Sớ hai Kinh Tứ Thập Nhị Chương và Di Giáo đều đạt đến chỗ tận cùng. Một năm độ đến hai mươi ba vạn Tăng, mà Tăng chúng có lỗi thì cho được phép chuộc. Lễ Thượng Ngươn, vua đến các chùa lễ Tượng hơn trăm lạy không nề hà. Lại cho lập lại ao phóng sinh của Đường Triều để mở rộng lòng hiếu sinh. Đây đều là do nguyện xưa mà phát ra ở Thánh tánh không đợi ai khuyên bảo. Đến như kế tiếp việc dịch kinh, mở mang việc học Phạm. Các Tam tạng ở Ngũ Thiên Trúc họp nhau đến Đền vua như mây đùn mà dùng các Tế phụ Tử thần đều kiêm chức Nhuận Văn. Vua dốc lòng trọng việc dịch kinh đến như thế. Các Nho Hiền thời đó như Vương Đán, Vương Khâm Nhược, Dương Úc, Triều Huýnh... đều có thể tán trợ ý vua và chung sức đem lại thái bình cho thiên hạ. Vua tôi chí hướng cùng gặp nhau chính vào lúc ấy, tìm khảo các thời xa xưa chưa thể sánh được.

Năm ấy trong thiên hạ số Tăng Ni gồm có ba mươi chín vạn bảy ngàn sáu trăm năm mươi vị Tăng và sáu vạn một ngàn hai trăm bốn mươi vị Ni.

Năm Càn Hưng thứ nhất, Chương Ý Thái Hậu (tức Lý Thị, mẹ vua Nhân Tông) sai Sứ đến chùa Thiên Trúc ở Tiền Đường thỉnh ngài Tuân Thức Pháp sư hành Sám Pháp cầu nguyện cho nước nhà. Sứ có soạn bài Kim Quang Minh Hộ Quốc Đạo Tràng Nghi dâng lên vua. Nhân đó Sứ tâu xin vua cho nhập Tạng tất cả sách vở của Thiên Thai Giáo.

Tăng Hoa Nghiêm ở nước Quy Tư đến hiến tặng xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

PHÂN CÁC PHỤ CHÚ (trang 403b)

[Chú số 7] - Ở Đinh Châu, Phương Sĩ Vương Trung Lập gặp một Đạo sĩ họ Triệu trao cho Thần thuật. Trung Lập đến Kinh Sư nói ra điều gì đều ứng nghiệm cả. Vua ra lệnh cho Tham Quân Hứa Châu giữ lại ở dinh thự tại Thành Thượng Hoàng. Nhưng sau đó lại thường thấy ông ở ngoài chợ và tự bảo là Tư Mạng Chân Quân. Tháng năm năm ấy giáng xuống tại nhà của Trung Lập, đội mũ đeo kiếm mặc y phục toàn màu xanh. Phạm có điếm lạ đều báo trước và nhờ Trung Lập giải thích lại cho mọi người.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ nhất, ngày ba tháng giêng có Thiên thần giáng xuống ở Tẩm điện, đội mũ sao mặc áo rắng, bảo vua rằng: “Sắp có thư trời giáng xuống, hãy trai giới lập đàn mà nhận.” Được một tháng thì Hoàng Thành Ty tâu rằng: Ở phía Hữu Thiên Môn

có bức thư bằng lụa vàng giắt trong miệng con cú. Vua đi bộ đến cửa trông lên mà lạ. Quan Nội Thị bưng xuống để thờ trong điện Triệu Nguyên, thấy trên đó có chữ rằng: Triệu vâng lệnh làm hưng thịnh nhà Tống giao cho vật này giữ đúng bảy trăm bảy mươi chín đời, tên là Đại Trung Tường Phù, gồm có ba Thiên như sách của Hồng Phạm Lão Tử. Ngày ấy Từ Thiên Giám tâu rằng: “Thấy có vàng mây tía to như cái lọng hạ xuống che mát cả sân điện.” Bá Quan cùng mừng vui khen ngợi. Vua ban chiếu đổi niên hiệu Phùng Chửng xin vua lấy Đại Trung Tường Phù trong Thiên Thư (thư trời) làm hiệu. Vua mừng khen là tên đẹp (Quốc Triều Hội Yếu).

Bàn rằng: Nhà Chu bói vận nước của mình được ba mươi đời vua, trải bảy trăm năm (sau đó truyền thế là ba mươi bảy đời trải tám trăm năm, gọi là Chú quá kỳ hạn). Nhà Hán lấy Sấm để đoán biết thì Xích Phục Phù nói: Đời là bốn bảy, lửa là vua (từ đời Hán Cao Tổ đến Quang Võ kể từ ngày mới khởi lên được hai trăm hai mươi tám năm. Nên nói là bốn bảy. Hán chủ về lửa nên gọi là vua). Nhà Tấn từ hồi qua sông bói thì được một trăm lẻ hai (Nguyên Đế khiến Quách Phác bói nói rằng: Hưởng được hai trăm năm, một trăm lẻ hai năm sau Tống thay Tấn. Mới biết họ Quách lấy hạn một trăm lẻ hai, dùng lời đẹp nói về khuynh đảo). Nhà Đường vua Thái Tông lúc Nguyên Châu dâng đá linh có chữ ghi rằng: Bảy Phật tám Bồ-tát (lời trên đá rằng: Thái Bình Thiên tử Lý Thế Dân, Thái tử Ký trị bảy Phật tám Bồ-tát, sau đó đến hai mươi mốt đời, như đời Võ Tông diệt Pháp, đến Cao tổ nhẹ tin. Năm cuối của các Chúa không đúng số Phật và Bồ-tát). Lại ngài Vạn Hồi bảo Đường Minh Hoàng năm mươi năm Thái Bình Thiên Tử. Ngài Nhất Hạnh Ký là xã tắc chung cát (Vua Đường Minh Hoàng hỏi ngài Nhất Hạnh Thiên sư về vận nước. Ngài đáp: Xã tắc chung cát, về sau đến đời Chiêu Tông thì mất, bởi đã từng phong cho Chiêu Tông là Cát Vương). Bắc Triều Lục Cư sĩ bảo tề Văn Tuyên mười năm Thiên tử cũng còn khá, một trăm ngày Thiên tử gấp như lửa (Cư sĩ Lục Pháp Hòa đề trên vách rằng: Mười năm Thiên tử cũng còn khá, trăm ngày Thiên tử gấp như lửa, tròn năm Thiên tử vội thay ngôi. Mười năm là chỉ cho Tề Văn Tuyên, trăm ngày là Phế Đế, tròn năm là Hiếu Chiêu, sau đều ứng nghiệm). Đây đều là Thiên mệnh và Nhân Sự xen nhau đã ngầm định trước mà không thể gạn hỏi. Quốc gia ta rất ứng với với vận tốt. Khi Thái Tông mới lên ngôi đã cảm được Dực Thánh Chân Quân giáng hạ bảo rằng vận nước hơn cả nhà Đường. Mà vẫn ghi trong đá Gia Châu và lời ký trong đá Chí Công đều có lời văn “Triệu hiệu hai mươi mốt vua” (năm Thái

Tông thứ tư, Gia Châu dâng đá có chữ son đề rằng: “Triệu hai mươi mốt vua.” Năm thứ bảy thì Thơ Châu dâng đá có lời ký của Chí Công rằng: “Triệu hiệu hai mươi mốt vua.” Rồi Chí Công giảng xuống Cung Cấm, vua nghe lời dạy bảo. Đầu năm Tường Phù của vua Chân Tông, Thiên Thư (thư trời) giảng xuống nói rằng: Triệu nhận mạng trời bảy trăm bảy mươi chín năm. Nay mới rõ vận nước Dực Thánh hơn nhà Đường. Chí Công nói hai mươi mốt vua thì hai nghĩa này chắc chắn hiểu được. Chỉ có Thiên Thư nói bảy trăm bảy mươi chín thì chưa sáng tỏ. Giả sử quả có kịp đến số này sẽ không ngừng ở hai mươi mốt đời vua, đâu không biết mười bốn Triều trước đã ba trăm năm rồi. Nay từ đời Hoàng Đế ta trở đi truyền đến bảy đời, mỗi vua cai trị bảy mươi năm thì mới có thể đủ số năm trăm năm vậy. Kính xem các Thánh nối nhau đức khắp bốn biển, thân tóm vạn khu mà lấy dân làm trọng giúp phát triển cả ba Giáo, nhưng biết Phật là cao quý nhất, tất sẽ có Thánh hiền giúp nước đời đời ngự trị, quá kỳ hạn của lời dự báo. Lại thấy Thanh Triều mong thực số bảy trăm bảy mươi chín năm cho phù hợp với lời Thiên Thư báo trước để càng tin tưởng. Phật trời Tiên Thánh vì có Túc Mạng Thông nên dự báo việc vị lai dù ngàn vạn ức kiếp cũng đều biết trước, ở đây chỉ là việc trong ngàn năm gần gũi báo cho biết trước, nào có lạ lùng gì.

[Chú số 1] (trang 403 c) - Tháng mười một, vua đến núi Thái Sơn dâng ngọc và ba con vật sống, cúng tế Thượng đế cao xanh tại Viên Đài trong núi. Thái Tổ, Thái Tông đều bồi vị ở Đông Tây, y theo phép mà tế lễ Nam Giao.

Khoảng năm Nguyên Phong, Quan Hữu Ty cùng họp tế, tế trời đất ở Viên khâu, viện lễ phép nhà Chu không theo nghi lễ thời xưa, vua ban chiếu quy định đích thân vua tế lễ Bắc giao.

Đầu năm Nguyên Hựu, vua ra chiếu căn cứ vào chỉ trước tập họp các quan để nghị bàn; Tô Thức dâng lên nghị tóm tắt rằng: Thần trộm nghĩ bàn luận là muốn thay đổi phép xưa của Tổ Tông. Viên khâu (đồi tròn) thì tế trời mà không tế đất, chẳng qua cho rằng tiết Đông chí thì tế trời ở Nam giao, thời Dương thì ở vị Dương vậy. Còn tiết Hạ chí thì tế đất ở Bắc giao, đó là thời Âm thì ở vị Âm vậy. Cho rằng cầu Thần thì phải dùng thời Dương vị, Dương mà không thể dùng Âm được, việc đó rất không đúng. Bởi Đông chí thì ở Nam giao tế Thượng đế, vậy cả trời đất trăm Thần đều phải cùng theo đến. Bài tựa Kinh Thi có nói: “Trời xanh đã có lệnh, Nam giao tế trời đất.” Kinh Thư cũng nói: Loại Tứ thì ở Thượng đế, loại Nhân thì ở Lục Tông, loại Vọng thì ở núi sông, loại Biến thì tế khắp. Sách Xuân Thu nói không tế giao thì cũng phải

tam vọng (vọng núi sông biển). Truyện Tả Thị nói: Tinh tế nhất là vọng giao. Thuyết đó nói: Tam vọng tức là khẩn vọng với Thái sơn, sông và biển vậy. Hoặc nói: Các sao phân bố khắp sông núi. Đem cả Thi Thư Xuân Thu mà khảo, thì trời đất cùng hợp tế (tế chung) đã lâu. Các đời Hán Ngụy Đường đều dùng Viên khâu (Đôi tròn) mà hợp tế, có chép trong Sử.

Ở Triều Tống ta, khi xưa vua Thái Tổ tế Giao thì trước đó dâng lễ Tông miếu và tế cả trời đất. Từ vua Chân Tông đến nay cứ ba năm tế Giao một lần, tất trước đó có việc linh ứng, nên khắp cúng tế Thái miếu rồi mới tế trời đất. Nay bàn luận muốn nói Đông chí tế trời. Hạ chí tế đất, đó là dùng theo Chu lễ. Thời xưa thì một năm tế trời ba lần, Minh Đường tế Thượng đế một lần, bốn mùa đón khí tiết năm lần, tế đất hai lần, tế Tông miếu bốn lần. Tất cả mười lăm lễ này Thiên tử đích thân cúng tế. Nay ba năm một lần tế Giao, trước khi tế Giao thì tế Đại miếu, tế Giao thì ban ân đại xá, ban thưởng các Quân, Văn Võ, các Quan đều được ân thưởng, thân thuộc của Tế Tướng bách Quan cũng được ban tặng. Đây đều là không phải Chu lễ. Đây không đổi mới mà chỉ riêng khi tế Đất thì bảo rằng: Không phải Chu Lễ nên không hợp tế là sao? Tổ Tông triều ta rất kính trọng việc tế tự, từ Nho thần đến Lễ quan giảng về Tồn ích đều biết Viên khâu Phương trạch (đôi tròn chằm vuông) đều do Thiên tử đích thân tế lễ là đúng, chỉ vì thời thế không thể làm được nên phải châm chước cổ kim, sao cho trên hợp với điển lễ, dưới hợp với thời nghi. Nếu mỗi năm lại tế Giao thì e nước nhà thêm tốn phí.

[Chú số 2] (trang 403c) - Khi đã phong thưởng cõi Đông xong, thì vua ban chiếu thêm Tư Mạng Chân Quân làm Cửu Thiên Tư Mạng Bảo Sinh Thiên Tôn. Vua ra lệnh cho Lương Nhai Đạo sĩ nên sửa Trai Tiểu Khoa Nghi (nghi lễ trai giới cúng tế), sai Tri Khu Mật Viện là Vương Khâm Nhược định ra “La Thiên Tiểu Nghi” mười quyển, chọn mười vị Đạo sĩ sửa chữa Tạng Kinh của Lão Giáo, Cựu Lục ba ngàn ba trăm ba mươi bảy quyển. Khâm Nhược định rõ có thêm sáu trăm hai mươi quyển, vua ban tên là Bảo Văn Thống Lục, vua viết bài tựa để ở trước. Đầu tiên là vâng chiếu vua đem gạn bỏ các phần chê bai lẫn nhau trong các Tạng Kinh của cả Đạo và Phật (nay trong Lão Quân Bảo Lục ghi Vương Khâm Nhược nói rằng: “Kinh Lão Tử Hóa Hồ là di tích của Thánh xưa không nên dẹp bỏ.” Vương Công có kiến thức sáng suốt chưa chắc đã tự nói lời ấy)

[Chú số 1] (trang 404c) - Vua ra chiếu lấy đá linh có lời Ký của Chí Công ở Thư Châu bảo cận thần và Tế Tướng Vương Đán rằng:

Quốc gia mở vận sau bốn triều Lương, Trần, Tùy, Đường và đời Ngũ Đại. Thái Tông lên ngôi vào năm Bính Tý. Nay Thiên Tôn giáng sự việc đều phù hợp với chuyện trước năm trăm năm (Văn ở đá Chí Công ghi rằng: Ta thấy bốn, năm triều vào năm Bính Tý triệu hiệu Thái Bình thứ hai mươi một năm) mới biết là số trời nước Tống về sau rất dài lâu.” Vua rất mừng, sai Trần Nghiêu Tư đến Thăng Châu vào Núi Tượng mà khẩn cáo.

Bàn rằng: Sách đời gọi là lời Sấm, sách Phật gọi là lời Ký, nghĩa là báo cho biết trước sự việc. Ở Phật thì nói Thanh văn đó sẽ làm Phật ở nước... tên kiếp là... (thấy trong kinh Pháp Hoa). Việc họa phước xấu tốt của phàm phu do tục đời trước bói về Đồ-thư, Cỏ- thi, Mai-rùa, xem sao, đoán mộng... đều do đó mà báo biết trước mọi việc. Hoàn Đàm không phải là Sấm mà cũng như Sấm. Chỉ sợ Quang Võ vào buổi trung hưng nhiều bận rộn, tất cả mọi việc đều nhờ Sấm quyết. Nhưng việc của người thì có cái sức người không thể hiểu hết, cho nên không bằng không nói còn hơn. Song việc hưng thịnh của Thánh nhân chưa từng không có Sấm. Nhất là việc vua chúa trên đời thì Sấm có khá nhiều, chắc chắn không thể kể hết. Chuyện gần đây nhất như lời đời Đường Đại Tông có điềm lành dự ký của ao Hồng trì và đá linh. Đời Đường Túc Tông thì có điềm trời ban cho Bảo Trấn Quốc (vật báu giữ nước) những việc này đều có ghi chép trong Đường Sử, ứng nghiệm sau này đều đúng cả. Chỉ có vua Thái Tông triều Tống ta thì hai lần được đá linh đều có lời ghi hai mươi một vua. Thời Chân Tông thì có Dực Thánh giáng lâm và có câu: “Vận nước hơn cả nhà Đường.” Thời Thánh Tổ có Thiên Thư ghi lời Sấm là bảy trăm chín mươi chín, đâu không phải là báo việc trước ư? Người không biết mà muốn bảo Sấm là không đúng, ấy là do lòng thành chưa đạt. Phật Thánh nhân báo cho biết việc sắp đến, chắc chắn là không phải điều người thế tục biết được. Đến như việc bói cỏ thi, mai rùa, xem sao, đoán mộng cùng với việc biết trước của kinh sử Thánh hiền há không nói được ư? Vả như điềm bói cỏ thi, mai rùa, xem sao, đoán mộng cùng lời nói của kinh sử Thánh hiền mà còn tin được, thì đối với lời Ký của Phật Thánh nhân lại chẳng tin sao? Song các thứ đá ký thiên thư ở triều ta lúc đó không phải là không có thực, chỉ riêng nhà Nho không tin Sấm Ký tranh nhau bảo đó là sai quấy, nhưng người hiểu sự gặp thì đều chấp thuận. Giả sử lời văn trong đá có thể là ngụy tạo, nhưng việc Chí Công giáng xuống Cung Cấm, vua Đại Tông sai Sứ đến tạ lễ, bảo đó là không thực được ư? Giả sử Thiên Thư có nghi ngờ thì Ngô Hội Trung Hưng được số dài lâu mà bảo đó là không thực được

ư? Kinh Dịch có nói: “Thần minh biết việc vị lai, là ý chỉ lời Sấm của Trọng Ni, há chẳng tin sao?”

Tháng mười, ngày tám, Thiên thần giáng xuống điện Diên Ân trong cung cấm, đội mũ, mặc áo như Nguyên Thủy Thiên Tôn. Tức là Thiên thần xưa ở trước năm Tường Phù, bảo vua ngồi dạy rằng: “Ta là một trong chín vua là Thủy Tổ của họ Triệu, tái giáng sinh làm Hiên Viên Hoàng Đế. Ta ở thời Hậu Đường giáng xuống thống trị cõi dưới, sinh vào nhà họ Triệu đến nay đã trăm năm rồi. Hoàng Đế khéo vỗ về nuôi dạy quần sinh.” Rồi nường mây vàng mà đi. Tháng đó vua ra lệnh đại xá, tôn hiệu là Thánh Tổ Thượng Linh Cao Đạo Cửu Thiên Tư Mạng Bảo Sinh Thiên Tôn. Gọi mẹ Thánh Tổ là Nguyên Thiên Đại Thánh Mẫu. Thánh Tổ tên húy là Huyền Lăng. Vua ra chiếu trong ngoài không được chỉ trích. Đổi tên Huyền Thánh Văn Tuyên Vương thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương, Huyền Võ gọi là Chân Võ. Vua ra lệnh cho các Quận ở Thiên Khánh Quán lại lập thêm Thánh Tổ điện.